

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN LÃO
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST

Ngày 12-6-2019

V/v không công nhận quan hệ
vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN LÃO, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Nhạn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đình Xuyên;

2. Bà Bùi Thu Lan.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền là Thư ký Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Trương Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2018/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 4 năm 2019 về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 573/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 21 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Chị Bùi Thị P, đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn N, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; hiện trú tại: khu phố A, T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. ***Bị đơn:*** Anh Nguyễn Văn Đ, trú tại: Thôn N, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 4 năm 2019 và bản tự khai, nguyên đơn Chị Bùi Thị P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn Đ xây dựng hạnh phúc với nhau do tự nguyện, có tổ chức đám cưới dưới sự chứng kiến của hai bên gia đình,

họ hàng và bạn bè và có đăng ký kết hôn từ năm 1994 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Do thời gian lâu chị bị thất lạc mất giấy kết hôn. Sau khi cưới vợ chồng chung sống tại thôn N, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Những năm đầu chung sống tình cảm vợ chồng hòa thuận và có 02 con chung. Đến năm 2001 vợ chồng chị chuyển vào khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai sinh sống. Quá trình chung sống nhiều lần vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm, cách sống không phù hợp nhau. Anh Đ chơi bời, không tu chí gia đình, sống không có trách nhiệm với vợ con, chị nhiều lần khuyên can nhưng Anh Đ không thay đổi các sống, vợ chồng mâu thuẫn và sống ly thân nhau từ năm 2013. Anh Đ về thôn N, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng ở và chung sống với người phụ nữ khác. Tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn Đ.

Về con chung: Chị P trình bày chị và Anh Đ có hai con chung là Nguyễn Thị L, sinh ngày 08 tháng 3 năm 1996 và Nguyễn Thùy D, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2000. Hiện các con đã trưởng thành nên vấn đề nuôi dưỡng chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Chị P trình bày chị và Anh Đ không có nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Lời khai của bị đơn anh Nguyễn Văn Đ thể hiện: Anh thống nhất với lời khai của Chị P về thời gian và điều kiện kết hôn vợ chồng. Anh chị chung sống với nhau tại thôn N, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng và có 02 con chung. Năm 2001 gia đình chuyển vào tỉnh Đồng Nai sinh sống. Quá trình chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cách sống vợ chồng không phù hợp nhau, thường xuyên cãi nhau, sống không tôn trọng nhau, không tin tưởng nhau về tình cảm. Đến năm 2013 anh về quê ở Trường Thọ, An Lão, Hải Phòng và sống ly thân với Chị P từ đó đến nay. Nay Chị P có đơn xin ly hôn anh, anh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh và Chị P có hai con chung họ, tên các con như Chị P trình bày. Hiện các con của anh và Chị P đã trưởng thành nên vấn đề nuôi dưỡng anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Anh và Chị P không có, anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn Chị Bùi Thị P và bị đơn anh Nguyễn Văn Đ đã thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn đều vắng mặt tại phiên tòa và đều có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào hồ sơ vụ án và diễn biến tại

phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 9, Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b mục 3 Nghị quyết 35/2000/QH 10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 Nghị quyết của Quốc hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: Xử không công nhận Chị Bùi Thị P và anh Nguyễn Văn Đ là vợ chồng; về con chung: Chị P và Anh Đ có hai con chung là Nguyễn Thị L, sinh ngày 08 tháng 3 năm 1996 và Nguyễn Thùy D, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2000. Hiện các con của anh chị đã trưởng thành Chị P và Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết; về tài sản chung, công nợ: Chị P và Anh Đ không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án Chị Bùi Thị P phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về Tố tụng:

[1] Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Lão, thành phố Hải Phòng theo quy định tại khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn Chị Bùi Thị P và bị đơn anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt Chị P và Anh Đ.

Về nội dung vụ án:

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị P và anh Nguyễn Văn Đ tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1994 tại thôn N, xã T, huyện A, thành phố Hải Phòng. Đến năm 2001 Chị P và Anh Đ chuyển vào tỉnh Đồng Nai sinh sống. Quá trình chung sống anh chị xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do không có chung quan điểm, cách sống không phù hợp nhau, vợ chồng nhiều lần xảy ra xô xát, sống không tôn trọng nhau, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc. Anh Đ về quê ở thôn N, xã T, huyện A từ năm 2013 và sống ly thân với Chị P từ đó đến nay. Qua điều tra xác minh tại Ủy ban nhân dân xã Trường Thọ cung cấp sổ đăng ký kết hôn gốc của xã Trường Thọ đang lưu giữ từ năm 1993 đến nay không có tên chồng là Nguyễn Văn Đ và vợ là Bùi Thị Phụng. Căn cứ vào các tài liệu xác minh và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử xác định Chị Bùi Thị P và anh Nguyễn Văn Đ

chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1994 nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 Nghị quyết của Quốc Hội về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06 tháng 01 năm 2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Chị Bùi Thị P và anh Nguyễn Văn Đ.

[4]. Về con chung: Chị P và Anh Đ có hai con chung là Nguyễn Thị L, sinh ngày 08 tháng 3 năm 1996 và Nguyễn Thùy D, sinh ngày 30 tháng 10 năm 2000. Hiện đã trưởng thành Chị P và Anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, công nợ: Chị P và Anh Đ không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

[6]. Về án phí: Chị Bùi Thị P phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 7 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147 và Điều 266 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa Chị Bùi Thị P và anh Nguyễn Văn Đ.

2. Về án phí: Chị Bùi Thị P phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Chị P đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017173 ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Lão. Chị P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Bùi Thị P và anh Nguyễn Văn Đ có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện An Lão;
- Chi cục THADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HCTP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Nhạn